

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2018
V/v ly hôn giữa chị L và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Sỹ Trinh

Ông Đào Xuân Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐ-HPT ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị L, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt),

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2017 và tại biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Thị L trình bày:

Chị và anh Lê Minh T chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Giấy chứng nhận kết

hôn số 68/2014 ngày 27/5/2014). Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cãi vã nhau. Anh chị đã ly thân từ năm 2015, từ khi ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên là Lê Minh T, sinh ngày 06/5/2014. Hiện nay con đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Liên không còn yêu cầu nào khác.

Tài liệu chứng cứ chị L cung cấp: Trích lục kết hôn bản sao, giấy khai sinh bản sao, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Lê Minh T vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Đối với Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

+ Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng quan hệ hôn nhân của chị L, anh T là hợp pháp. Các đương sự đã ly thân từ 2015 và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh chị có 01 con chung hiện đang ở cùng chị L, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không tham gia, coi như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung của chị L là có cơ sở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T là đúng quy định.

Bị đơn Lê Minh T hiện đang cư trú tại ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L, anh T chung sống và có đăng ký kết hôn. Nay chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Xét yêu cầu khởi kiện trên thì chị L có quyền được yêu cầu xin ly hôn anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và vụ án có quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L, anh T tự nguyện chung sống với nhau, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là đúng quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị L trình bày sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên gia đình không hạnh phúc. Do không thể chung sống nên anh chị đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian đó cả hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ gì lẫn nhau, chị L khẳng định mình không còn tình cảm với chồng và vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ vào Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho thấy tình nghĩa vợ chồng giữa anh chị đã không còn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên là Lê Minh T, sinh ngày 06/5/2014. Hiện nay con đang ở với chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T nên chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, các Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Thị L và anh Lê Minh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chung Lê Minh T, sinh ngày 06/5/2014 cho chị Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000048 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Chị L đã nộp đủ án phí.

- Chị Thị L và anh Lê Minh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Đồng Xoài;
- CCTHADS thị xã Đồng Xoài;
- UBND xã Phú Nghĩa, BGM, BP
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hương Giang